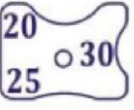


BÁO GIÁ CON KÊ BÊ TÔNG

(Bảng giá được áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới nhất)

STT	Mã sản phẩm	Hình ảnh	Lớp bê tông bảo vệ (mm)	Phạm vi áp dụng	Kiểu đóng bao	Số viên	Giá đại lý trên 10 thùng tại xưởng SX(VND/thùng)
1	V2		20x25	- Mã con kê: V2 - Kê thép sàn lớp dưới, kê dầm - Lớp bảo vệ 20mm và 25mm - Định mức sử dụng 250 viên/100m2 sàn	Túi nilong	240	80,000
2	V3		25x30	- Mã con kê: V3 - Kê thép sàn lớp dưới, kê dầm - Lớp bảo vệ 25mm và 30mm - Định mức sử dụng 250 viên/100m2 sàn	Túi nilong	180	80,000
3	ĐN1		20x25x30	- Mã con kê: ĐN1 - Kê thép cột, vách, thành dầm - Lớp bảo vệ 20;25mm và 30mm - Định mức sử dụng 8 viên/md cột	Túi nilong	280	90,000
4	ĐN2		35x40x45x50	- Mã con kê: ĐN2 - Kê thép dầm, móng - Lớp bảo vệ 35,40;45mm và 50mm - Định mức sử dụng 8 viên/md cột	Túi nilong	120	90,000
5	H7		H7	- Mã con kê: H7 - Kê thép sàn lớp trên sàn dày 11-12cm - Kê cao 70mm - Định mức sử dụng 250 viên/100m2 sàn	Hộp giấy to	75	80,000
6	H8		H8	- Mã con kê: H8 - Kê thép sàn lớp trên sàn dày 13-14cm - Kê cao 80mm - Định mức sử dụng 250 viên/100m2 sàn	Hộp giấy to	65	80,000
7	H9		H9	- Mã con kê: H9 - Kê thép sàn lớp trên sàn dày 14-15cm - Kê cao 90mm - Định mức sử dụng 250 viên/100m2 sàn	Hộp giấy to	60	80,000
7	H10		H10	- Mã con kê: H10 - Kê thép sàn lớp trên sàn dày 14-15cm - Kê cao 100mm - Định mức sử dụng 250 viên/100m2 sàn	Hộp giấy to	60	90,000

LƯU Ý:

Đơn giá trên chưa bao gồm vật tư VAT, chưa bao gồm vận chuyển

Quý khách ở Huyện đơn vị có thể chuyển xe bus hoặc xe khách đến tận nơi công trình - Cước phí vận chuyển tính riêng ngoài đơn giá.

Quý khách có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông tin sau đây:

Số tài khoản: **6.888.9999** - Hoàng Minh Toàn - Ngân hàng Phương Đông (OCB) chi nhánh Tp Thanh Hoá

Rất mong sự hợp tác của Quý Khách!

PHÊ DUYỆT CỦA BÊN A

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 01 năm 2026
KHO VẬT LIỆU THANH HOÁ 24H - FIXHOME




GIÁM ĐỐC
Hàng Minh Tuấn